

Bản án số: 31/2026/HS-PT
Ngày: 04- 3- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn

Ông Bùi Thanh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 259/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Lâm T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

- Bị cáo bị kháng cáo: Lâm T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1987; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường N, khóm G, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, đường N, khu V, phường P, thành phố Cần Thơ). Nơi ở hiện nay: Số A, đường T, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, đường T, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2; Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 3 người con (lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nhâm Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số I, đường Đ, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc từ trước nên khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28 tháng 10 năm 2024, bị cáo Lâm T chở bạn gái tên là Văn Thị Tuyết M đi chơi. Khi bị cáo chạy xe qua nhà ông Sơn Minh H thì thấy bị hại Nhâm Nguyễn Hoàng T3 đang ngồi nhậu trước nhà cùng với vợ là Lư Hồng S và ông Sơn Minh H, bà Nguyễn Thụy Huỳnh M1 (vợ của ông H), bị cáo nghe tiếng ông T3 chửi thề. Sau khi nhậu xong, trên đường trở về nhà, bị cáo đi ngang qua nhà ông H thì tiếp tục nghe bị hại chửi và nghĩ bị hại chửi bị cáo nên bị cáo trở về nhà và lấy cây dao dài khoảng 58cm (cán dao bằng gỗ dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34cm) dắt vào lưng quần phía bên trái và kẹp sát dao vào bên trái thân người để giấu dao trong người, mặc áo khoác kéo khóa che dao lại. Sau đó, bị cáo gọi điện thoại cho Lương Văn H1 là bạn của bị cáo kêu H1 đến chở bị cáo đi nhậu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H1 điều khiển xe mô tô 83H8-3197 đến nhà bị cáo, khi đến nơi thì bị cáo chờ sẵn ở bên hông nhà và lên xe ngồi để H1 chở đi. Bị cáo kêu H1 chở đi qua đường K. Trên đường đi, bị cáo không có nói chuyện hay bàn bạc gì với H1. Khi gần đến nhà ông H, chỗ bị hại T3 đang ngồi nhậu, bị cáo kêu H1 dừng xe cách bàn nhậu của ông T3 khoảng 02 đến 03 mét. Bị cáo xuống xe, đi bộ đến chỗ ông T3 ngồi nhậu, bị cáo hỏi ông T3 về việc lúc nãy chửi bị cáo. Sau đó, bị cáo kéo khóa áo khoác lấy cây dao ra cầm bằng hai tay và chém về hướng của ông T3, ông T3 đưa tay trái lên đỡ nên trúng vào phần cẳng tay trái của ông T3. Ông T3 đứng dậy để bỏ chạy, bị cáo tiếp tục cầm dao bằng hai tay chém vào cánh tay phải của ông T3. Ông T3 bỏ chạy vào trong nhà ông H thì bị cáo đuổi theo sau và làm ngã giá phơi đồ bằng kim loại đè lên người và trúng vào mặt và cánh tay phải của ông T3. Sau đó, mọi người chạy lại can ngăn, bị cáo dừng không chém bị hại nữa và ra xe được H1 chở bị cáo về.

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 614/KLTTCT-TTPYST ngày 13/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh S kết luận đối với Nhâm Nguyễn Hoàng T3: Sẹo phần mềm hàm dưới bên trái, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03%; Sẹo phần mềm đầu trên mặt trước cánh tay phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01%; Sẹo phần mềm đầu dưới mặt trước cẳng tay trái, kích thước lớn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03%; Sẹo phẫu thuật mặt trước cẳng tay trái, kích thước lớn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03%; Vết rối loạn sắc tố da, vùng mặt bên phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nhâm Nguyễn Hoàng T3 là 11%. Tổn thương vùng hàm dưới và cẳng tay trái do vật sắc gây nên; Tổn thương vùng mặt bên phải và cánh tay phải, không xác định được vật gây thương tích; Các tổn thương không gây ảnh hưởng chức năng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5–Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lâm T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Xử phạt bị cáo Lâm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/11/2025, bị hại có đơn kháng cáo với các nội dung:

Cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm vì ngoài bị cáo thực hiện hành vi phạm tội còn có thêm các đối tượng khác cùng đồng phạm với bị cáo, trong đó có 01 đối tượng cầm dao cùng xông vào nhà chủ, dọa chém bị hại. Ngoài ra, bị cáo và các đối tượng còn có dấu hiệu tội “gây rối trật tự công cộng” với tính chất phạm tội có tổ chức.

Các tình tiết được nêu trong bản án sơ thẩm như bị cáo mặc áo khoác che cây dao và bị hại chủ bị cáo là không đúng.

Bản án sơ thẩm không thể hiện có những người làm chứng gồm có bà S (vợ của bị hại), vợ chồng ông H, bà M1, mẹ của bà M1 là bà H2 dẫn đến sai lệch kết quả điều tra.

Bản thân bị hại chưa nhận được Thông báo kết luận điều tra vụ án, ảnh hưởng đến quyền khiếu nại, tố cáo đối với kết luận này.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Bị hại vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét thấy bản án sơ thẩm số 62/2025/H-ST ngày 23/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Cần Thơ xét xử bị cáo Lâm T về tội danh, khung hình phạt là đúng người, đúng tội.

Bị hại kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do bỏ lọt người phạm tội và bỏ lọt tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo và một số đối tượng khác. Xét thấy quá trình điều tra không chứng minh được Lương Văn H1 và đối tượng khác cùng đồng phạm với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc áp dụng điều luật, cụ thể: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào

điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt là chưa đúng quy định về áp dụng pháp luật bởi vì hành vi của bị cáo Lâm T dùng dao là hung khí nguy hiểm tấn công gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 11% thỏa mãn điều kiện áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ Luật Hình sự nên không áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự trong phần quyết định của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại có đơn kháng cáo, xét đơn kháng cáo của bị hại phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy bị hại Nhân Nguyễn Hoàng T3 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự trên cơ sở xem xét đầy đủ nội dung kháng cáo của bị hại.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ là thống nhất và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc từ trước và cho rằng bị cáo nghe bị hại chửi khi đang đi ngang qua nhà ông Sơn Minh H nơi bị hại đang ngồi nhậu nên khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 10 năm 2024, bị cáo đem theo dao đến nhà ông H chém nhiều nhát vào người bị hại gây tỷ lệ tổn thương cơ thể cho bị hại là 11%.

Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 11% nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bằng bản án số 62/2025/HS-ST là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại cho rằng bỏ lọt tội phạm: Xét thấy bị cáo được Lương Văn H1 chở đến nhà ông H. Ngoài bị hại, còn có vợ chồng của ông H, bà M1 cùng vợ của bị hại là bà S đều khai Hận có cầm dao xông vào nhà ông H và trước khi lên xe về còn hăm dọa bên phía người bị hại. Trong khi đó, bị cáo và Lương Văn H1 không thừa nhận lời khai trên của phía bị

hại và cùng khai thống nhất với nhau là bị cáo điện thoại kêu H1 chở bị cáo đi nhậu nhà bạn, khi đi ngang qua nhà ông H, bị cáo kêu H1 dừng xe và đi xuống, sau vài tiếng bị cáo và bị hại cự cãi với nhau thì bị cáo đã rút dao chém bị hại, giữa bị cáo và H1 không có thỏa thuận bàn bạc gì về việc đi gây thương tích cho bị hại. Hận cũng không biết bị cáo có đem theo dao đi gây thương tích cho bị hại. Hận chỉ đứng ngoài và còn cản ngăn, kéo bị cáo lên xe để chở về. Như vậy, lời khai của hai bên là không thống nhất với nhau. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của hai bên thì không có bất cứ chứng cứ nào khác chứng minh cho tình tiết hai bên trình bày.

Ngoài ra, bị hại ông T3, bà S và vợ chồng ông H, bà M1 khai có thêm 02 người đứng đợi cạnh chiếc xe ngoài đường nhưng trời tối nên không nhìn rõ. Bị cáo và Lương Văn H1 cho rằng chỉ có bị cáo và H1 chở nhau đi 01 xe, không còn ai khác cùng đi. Quá trình điều tra không xác định được có thêm bất cứ người nào khác đi cùng bị cáo và Lương Văn H1 đến nhà của ông H. Do đó, không có đủ cơ sở xác định Lương Văn H1 cũng như còn có người khác đồng phạm với bị cáo. Vì vậy, bị hại kháng cáo cho rằng bỏ lọt đồng phạm là không có căn cứ.

[3.2] Đối với kháng cáo đề nghị xử lý bị cáo cùng các đối tượng đi cùng bị cáo về “Tội gây rối trật tự công cộng” thấy rằng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại trước cửa nhà của ông H, thời điểm thực hiện vắng người qua lại, ngoài hành vi trực tiếp chém bị hại, bị cáo không có hành vi khác xâm phạm đến quyền, lợi ích của tổ chức hay gây náo loạn làm ảnh hưởng đến những người dân đang sinh sống ở khu vực này. Do đó, bị hại xác định bị cáo và các đối tượng đi cùng phạm “Tội gây rối trật tự công cộng” là không có căn cứ.

[3.3] Bị hại cho rằng cơ quan điều tra không lấy khai của bà H2, xét thấy, quá trình điều tra, bị hại, bà S, ông H, bà M1 đều khai thống nhất là tại bàn nhậu trước sân nhà ông H trước khi bị cáo đến chém bị hại chỉ có 04 người gồm bị hại, bà S, ông H, bà M1, không có mặt của bà H2. Theo lời khai của ông H có trong hồ sơ vụ án thì bà H2 bị hư một con mắt và ở trong nhà. Do đó, ngoài lời khai của bị hại, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh lấy lời khai đối với bà S, ông H, bà M1 mà không lấy lời khai của bà H2 là hoàn toàn phù hợp.

[3.4] Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng về tình tiết của nội dung vụ án nêu ra trong bản án sơ thẩm là không đúng vì bị hại không chửi bị cáo và bị cáo không mặc áo khoác để che giấu dao, xét thấy nội dung vụ án là kết quả của quá trình điều tra trên cơ sở chứng cứ thu thập được và đã được kết luận trong bản kết luận điều tra cũng như cáo trạng của Viện kiểm sát. Mặt khác, nội dung kháng cáo này của bị hại không làm ảnh hưởng đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm của bị cáo và không ảnh hưởng đến quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[3.5] Về nội dung kháng cáo do bị hại không được giao Thông báo kết luận điều tra, xét thấy qua hồ sơ thể hiện Thông báo kết luận điều tra không được cơ quan điều tra thông báo đến bị hại là vi phạm theo quy định tại Điều

232 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo Lâm T đã được cơ quan Công an điều tra làm rõ và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử mức án phù hợp. Vì vậy, việc hủy án để giao thông báo kết luận điều tra cho bị hại là không cần thiết do không làm thay đổi nội dung vụ án, không thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Từ các phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị hại.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Mặc dù giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất côn đồ là tình tiết định khung theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ nhận định bị cáo có 01 tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Mặt khác, tất cả các tình tiết từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự thuộc tình tiết định khung được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo truy tố, xét xử theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tại phần quyết định của bản án đã căn cứ điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại, không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2025/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. Xử phạt bị cáo Lâm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.
3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao tự chế dài 58cm, cán dao bằng gỗ dài 24cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34cm, có một lưỡi sắc (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Cần Thơ*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lâm T bồi thường cho bị hại Nhâm Nguyễn Hoàng T3 số tiền là 28.866.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), nhưng bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố C (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Cần Thơ*). Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 23.866.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) cho bị hại Nhâm Nguyễn Hoàng T3.

Kể từ ngày bị hại Nhâm Nguyễn Hoàng T3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lâm Tường C bồi thường số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lâm T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và số tiền 1.193.300 đồng (Một triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ (CQĐT; PV06);
- CQTHAHS – Công an TP. Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS khu vực 5 – Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thọ